

Số: /TB-SNN

Đắk Nông, ngày tháng 5 năm 2022

## THÔNG BÁO

### Về việc công bố Đề án nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2035

Căn cứ Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ và Thông tư số 16/2019/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;

Căn cứ Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23 năm 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 – 2030;

Căn cứ Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 27 năm 4 năm 2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2035;

Sở Nông nghiệp và PTNT công bố Đề án nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2035 gồm các nội dung sau:

#### I. Thông tin chung

- Tên gọi: Đề án Nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2035.
- Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Thời gian thực hiện: Từ năm 2022-2025, định hướng đến năm 2035.
- Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

#### II. Nội dung

##### 1. Mục tiêu

**1.1. Mục tiêu chung:** Phát triển nông nghiệp hữu cơ có giá trị gia tăng cao, bền vững, thân thiện với môi trường, khuyến khích phát triển sản xuất các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ đạt tiêu chuẩn, có chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ của khu vực và thế giới. Từng bước hình thành các vùng sản xuất các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, tạo nguồn sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao, an toàn cho người sử dụng. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để mở rộng quy mô diện tích, tăng sản lượng, chất lượng của sản phẩm nông nghiệp hữu cơ; hình thành vùng nguyên liệu ổn định, phát triển công nghiệp chế biến để tạo ra nhiều sản phẩm hữu cơ đặc thù của tỉnh hướng đến thị trường xuất khẩu; góp phần đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao thu nhập cho người

sản xuất, góp phần đảm bảo tốc độ tăng trưởng chung của ngành nông nghiệp.

## **1.2. Mục tiêu cụ thể:**

### **a) Giai đoạn 2022 - 2025:**

- Xác định được loại sản phẩm và các khu vực phù hợp canh tác, sản xuất nông nghiệp hữu cơ; các đối tượng sản xuất phù hợp với từng địa bàn, khu vực cụ thể; xây dựng được quy trình chuyên hóa đất canh tác hiện có sang canh tác đáp ứng các tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ ứng với các loại sản phẩm thế mạnh của địa phương; chuẩn bị các điều kiện cần thiết để duy trì và mở rộng sản xuất nông nghiệp hữu cơ, bước đầu hình thành các chuỗi liên kết gắn với tiêu thụ nông sản hữu cơ trên địa bàn các huyện, thành phố Gia Nghĩa.

- Diện tích nhóm đất nông nghiệp sản xuất hữu cơ đạt khoảng 1,5% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp.

- Diện tích đất trồng trọt hữu cơ đạt 3.310 ha với khoảng 0,5% - 1% tổng diện tích đất trồng trọt, ở các vùng sản xuất tập trung trên địa bàn tỉnh.

- Đối với sản phẩm dược liệu và lâm sản ngoài gỗ từ tự nhiên, tỷ lệ sản lượng hữu cơ trên tổng sản lượng đạt khoảng 90% - 95% đối với hình thức thâm canh (sử dụng môi trường rừng để sản xuất) tỷ lệ sản lượng hữu cơ trên tổng sản lượng đạt khoảng 75% - 80%.

- Tỷ lệ số hộ nông dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong công tác chăm sóc và phòng chống sâu bệnh hại trên cây trồng có nguồn gốc sinh học đạt trên 30%; tăng tỷ lệ các dòng sản phẩm phân bón hữu cơ đưa vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt trên 15% trong tổng số sản phẩm phân bón; hướng dẫn biện pháp phòng chống sinh vật gây hại phù hợp với sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

- 90% sản phẩm hữu cơ được chứng nhận, tiêu thụ theo hệ thống và truy xuất được nguồn gốc.

- Nâng cao hiệu quả của sản xuất hữu cơ trên một đơn vị diện tích; giá trị sản phẩm trên 01 ha đất trồng trọt hữu cơ cao gấp 1,3 - 1,5 lần so với sản xuất phi hữu cơ.

- Mỗi huyện/thành phố có ít nhất từ 1-2 chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ các sản phẩm hữu cơ được chứng nhận.

### **b) Định hướng đến năm 2035**

- Diện tích nhóm đất nông nghiệp sản xuất hữu cơ đạt khoảng 4% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp.

- Diện tích đất trồng trọt hữu cơ đạt 15.720 ha với khoảng 6% tổng diện tích đất trồng trọt.

- Tỷ lệ sản phẩm chăn nuôi hữu cơ đạt khoảng 0,1% - 0,2% tính trên tổng sản phẩm chăn nuôi sản xuất trên địa bàn tỉnh. Các sản phẩm chăn nuôi được chứng nhận hữu cơ bao gồm: thịt gia súc, gia cầm...

- Diện tích nuôi trồng thủy sản hữu cơ đạt khoảng 1,5% tổng diện tích nuôi trồng thủy sản, trong đó một số loài thủy đặc sản có giá trị kinh tế (cá nước ngọt).

- Đối với sản phẩm dược liệu và lâm sản ngoài gỗ từ tự nhiên, tỷ lệ sản lượng hữu cơ trên tổng sản lượng đạt khoảng 95% - 98%, đối với hình thức thâm canh (sử dụng môi trường rừng để sản xuất) tỷ lệ sản lượng hữu cơ trên tổng sản lượng đạt khoảng 80% - 85%.

- Tăng tỷ lệ người dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, sản phẩm phân bón hữu cơ.

- Giá trị sản phẩm trên 01 ha đất trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản hữu cơ cao gấp 1,5 - 1,8 lần so với sản xuất phi hữu cơ.

- Mỗi huyện/thành phố tăng thêm ít nhất 02 chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ các sản phẩm hữu cơ được chứng nhận.

## **2. Nhiệm vụ chính**

- Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ tập trung và các sản phẩm hữu cơ chủ lực.

- Phát triển đa dạng các hình thức tổ chức sản xuất sản phẩm hữu cơ.

- Nghiên cứu phát triển và xây dựng mô hình nông nghiệp hữu cơ.

- Đào tạo, tập huấn phát triển nguồn nhân lực.

- Xây dựng các tài liệu về hướng dẫn sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

- Tăng cường chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu sản phẩm hữu cơ.

- Phát triển các vật tư đầu vào phục vụ phát triển nông nghiệp hữu cơ.

## **3. Kinh phí thực hiện**

### **3.1. Nguồn kinh phí thực hiện**

- Ngân sách Nhà nước: Bố trí theo các cơ chế, chính sách quy định của Trung ương và địa phương và lồng ghép từ các chương trình/dự án/đề án có liên quan.

- Nguồn kinh phí ngoài nhà nước: Vốn đầu tư của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân (vốn tự có và vốn tín dụng).

### **3.2. Dự kiến nhu cầu kinh phí khái toán**

Tổng nhu cầu kinh phí dự kiến là: 686,645 tỷ đồng, trong đó Ngân sách nhà nước là: 17,795 tỷ đồng (chiếm 2,59%), cụ thể:

- Giai đoạn 2022-2025 là: 272,625 tỷ đồng, trong đó ngân sách nhà nước là 6,095 tỷ đồng (chiếm 2,24% tổng nhu cầu kinh phí);

- Giai đoạn 2026-2035 là: 414,019 tỷ đồng, trong đó ngân sách nhà nước là 11,699 tỷ đồng (chiếm 2,83% tổng nhu cầu kinh phí).

**4. Tổ chức thực hiện:** Phân công trách nhiệm các cơ quan trong công tác tổ chức thực hiện như nội dung tại phần VII của Đề án, bao gồm các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Công Thương; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan (*Chi tiết theo Đề án đính kèm*).

Sở Nông nghiệp và PTNT thông báo đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân và nhân dân được biết, để phối hợp tổ chức triển khai đề án hiệu quả; các địa phương, cá nhân, đơn vị có nhu cầu thông tin liên quan đến Đề án, phục vụ cho công tác chuyên môn của địa phương và đơn vị mình, liên hệ Phòng Kế hoạch – Tài chính Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Đắk Nông (liên hệ đồng chí Bùi Duy Giáp, SĐT: 0949.68.60.68) để được cung cấp./.

**Nơi nhận :**

- UBND tỉnh (B/C);
- UBND các huyện và TP;
- Các Sở, Ban, Ngành;
- Đài truyền hình Đắk Nông ;
- Báo Đắk Nông ;
- Ban Giám đốc Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc sở;
- Văn phòng Sở (đăng tải web);
- Lưu VT, KHTC (G).

**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Tuấn Anh**